

Bản án số: 2493/2022/DS-ST
Ngày 21 tháng 12 năm 2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hưng

2. Bà Hồ Thị Lang

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mai, Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh-Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 161/2014/TLST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2014, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 583/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 389/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X

Địa chỉ: 72 Lê Thánh Tôn, phường B, Quận X, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Trọng Đ- Chuyên viên Phòng xử lý tranh chấp-Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản- Ngân hàng Thương mại cổ phần X -Có mặt

Địa chỉ: Tầng 4-Tòa nhà 24B Trương Định, Phường T, Quận Y, Thành phố H

-Bị đơn: Ông Nguyễn Đắc P - sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 14 Nguyễn Văn Đậu, phường I, quận K, Thành phố H.

Địa chỉ tạm trú: 33 Trần Bình Trọng, Phường E, quận F, Thành phố H.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc U (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: số 143 (tầng 3) Lê Thánh Tôn, phường B, quận X, Thành phố H.

Địa chỉ tạm trú: 33 Trần Bình Trọng, Phường V, quận H, Thành phố H

2. Ông Nguyễn Đức D-Có mặt

Địa chỉ: 86/19/3 Thích Quảng Đức, Phường G, quận P, Thành phố H.

3. Bà Lưu Thị Thu H, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: số 5N Ngô Tất Tố, phường R, quận B, Thành phố H

Địa chỉ tạm trú: B3A02 Chung cư Botanic 312 Nguyễn Thượng Hiền, phường Q, quận P, Tp. H.

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng V

Địa chỉ: 22 Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, quận H, thành phố H

Người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC): ông Nguyễn Trọng Đ-Chuyên viên Phòng xử lý tranh chấp-Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản- Ngân hàng Thương mại cổ phần X -Có mặt

Địa chỉ: Tầng 4-Tòa nhà 24B Trương Định, Phường A, Quận K, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2014 và các lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng Đ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:

1.1. Ngày 06/5/2013, Ông Nguyễn Đắc P ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần X Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 vay số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, mục đích vay: hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH TM Đ.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần X giải ngân, ông Nguyễn Đắc P đã nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ số 2000-LDS-201307741 ngày 08/5/2013 số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng).

* Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất 8.217m² (thửa 353, 353-1, 1596, 443, tờ bản đồ số 5) xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp.HCM đứng tên bà Nguyễn Thị Ngọc U (HĐTC số 145/EIBSGD1-TDCN/TC/13 được Phòng công chứng số 1 Tp.HCM chứng nhận ngày 06/5/2013).

Bà Nguyễn Thị Ngọc U đã bán tài sản thế chấp này, thanh toán cho ngân hàng 10.000.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 21/12/2022 là 6.551.666.667 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn 1.141.666.667 đồng, tiền lãi quá hạn 5.410.000.000 đồng).

1.2. Ngày 16/5/2013, Ông Nguyễn Đắc P ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần X Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 vay số tiền 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, mục đích vay: hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH TM Đ.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần X giải ngân, ông Nguyễn Đắc P đã nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ số 2000-LDS-201309280 ngày 22/5/2013 số tiền 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng).

* Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 33B Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận B, TP.H đứng tên ông Nguyễn Đức D (Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 193/EIBSGD1-TDCN/BL/13 được Phòng công chứng số 1, Tp.HCM chứng nhận ngày 20/5/2013 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần X và ông Nguyễn Đức D, bà Lưu Thị Thu H.

Hiện nay số tiền gốc chưa thanh toán 15.000.000.000 đồng, tổng số tiền hiện nay là 38.651.519.097 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn 5.436.336.806 đồng, tiền lãi quá hạn 18.215.182.291 đồng.

Tổng số tiền tính đến ngày 21/12/2022 của 02 hợp đồng trên là 45.203.185.764 đồng (trong đó nợ gốc là 15.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 6.578.003.473 đồng, lãi quá hạn: 23.625.182.291 đồng).

Số tiền này Ngân hàng Thương mại cổ phần X yêu cầu ông Phước thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Phước phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng đã ký trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

Trường hợp ông Nguyễn Đắc P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đề nghị Tòa án cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 33B Trần Bình Trọng (nay là 33 Trần Bình Trọng), Phường 5, Quận B, Thành phố H đứng tên ông Nguyễn Đức D theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 193/EIBSGD1-TDCN/BL/13 được Phòng công chứng số 1, Tp.H chứng nhận ngày 20/5/2013 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần X và ông Nguyễn Đức D, bà Lưu Thị Thu H.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Ngân hàng Thương mại cổ phần X thỏa thuận tự nguyện chịu, không yêu cầu bị đơn ông Phước hoàn trả.

2. Bị đơn ông Nguyễn Đắc P trình bày:

Ông Nguyễn Đắc P đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, tại bản tự khai ngày 04/5/2014 ông Phạm Hữu Giáo lúc này là người đại diện theo ủy quyền xác nhận ông Phước có vay Ngân hàng Thương mại cổ phần X theo 02 hợp đồng như sau :

- Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013: tiền gốc 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), tiền lãi tính đến ngày 16/7/2014 là 1.524.387.500 đồng. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất có diện tích 8.217m² tại Thửa đất số 509; 510; 552 tờ bản đồ số 9- xã Tân Phú Trung, huyện C, Thành phố H theo Hợp đồng thế chấp số 145/EIBSGD1-TDCN/TC/13 ngày 06/5/2013 do ông Nguyễn Đắc P và bà Nguyễn Thị Ngọc U ký thế chấp.

- Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013: tiền gốc 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), tiền lãi tính đến ngày 16/7/2014 là 2.099.933.681 đồng. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại số 33B Trần Bình Trọng (nay là 33 Trần Bình Trọng), Phường 05, quận B, Thành phố H do ông Nguyễn Đức D và bà Lưu Thị Thu H ký thế chấp.

Ông G đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ lãi và cho bị đơn thời hạn 12 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để trả nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/01/2015 người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Đắc P và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc U lúc này là ông Nguyễn Đăng C có trình bày như sau:

Ông C thống nhất với số tiền ông Phước còn nợ nguyên đơn đối với 02 Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013 và Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013. Tổng cộng 02 hợp đồng trên là: 27.099.933.681 đồng tính đến ngày 16/7/2014.

Ông C đề nghị nguyên đơn cho bị đơn thời gian 06 tháng để bán tài sản thanh toán cho nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà Nguyễn Thị Ngọc U đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà Lưu Thị Thu H đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đức D xác nhận ông và bà Lưu Thị Thu H có ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 193/EIBSGD1-TDCN/BL/13 được Phòng công chứng số 1, Tp.HCM chứng nhận ngày 20/5/2013 tài sản thế chấp là nhà đất tại số 33B Trần Bình Trọng (nay là 33 Trần Bình Trọng), Phường 5, Quận B, Thành phố H cho ông Nguyễn Đắc P khoản vay số tiền 15.000.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013.

Trường hợp ông Phước không trả tiền hoặc trả tiền không đầy đủ thì ông đồng ý xử lý tài sản thế chấp bán nhà đất tại số 33B Trần Bình Trọng (nay là 33 Trần Bình Trọng), Phường 5, Quận B, Thành phố H để thanh toán tiền cho ngân hàng. Đồng thời, ông Duy có nguyện vọng đề nghị Tòa án xem xét việc bà Nguyễn Thị Ngọc U còn nợ ông và bà Hà số tiền 4.000.000.000 đồng mà bà Uyên đã vay của ông và bà Hà trước đó. Và khi bán tài sản này thanh toán tiền gốc cho nguyên đơn, số tiền còn dư thì ông yêu cầu được nhận vì bà Uyên còn nợ ông và bà Hà 4.000.000.000đồng, nếu không đủ thanh toán số tiền gốc 15.000.000.000đồng thì ông đề nghị Ngân hàng xem xét cho được nhận lại một phần tiền theo thỏa thuận.

6. Tại phiên tòa:

6.1. Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Trọng Đ trình bày: yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc ông Nguyễn Đắc P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X tạm tính đến ngày 21/12/2022 của 02 hợp đồng trên là 45.203.185.764 đồng (trong đó nợ gốc là 15.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 6.578.003.473 đồng, lãi quá hạn: 23.625.182.291 đồng); trong đó theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013, tiền gốc: 00 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.141.666.667 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.410.000.000 đồng, tổng cộng: 6.551.666.667 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013, tiền gốc: 15.000.000.000đồng, tiền lãi trong hạn: 5.436.336.806 đồng, lãi quá hạn: 18.215.182.291 đồng, tổng cộng: 38.651.519.097 đồng. Số tiền này yêu cầu bị đơn thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp phía bị đơn ông P không thanh toán số tiền trên thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp nhà đất tại số 33B Trần Bình Trọng (nay là 33 Trần Bình Trọng), Phường 05, quận B, Thành phố H để đảm bảo khoản thanh toán trên, và sau khi đã xử lý tài sản là nhà đất nêu trên mà vẫn chưa trả đủ khoản nợ trên thì tiếp tục xử lý các tài sản khác thuộc sở hữu của ông Phước theo đúng quy định của pháp luật, nhằm trả đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi vay.

6.2 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đức D trình bày: Trường hợp ông P không trả tiền hoặc trả tiền không đầy đủ thì ông đồng ý xử lý tài sản thế chấp bán nhà đất tại số 33B Trần Bình Trọng (nay là 33 Trần Bình Trọng), Phường 5, Quận B, Thành phố H để thanh toán tiền cho ngân hàng. Đồng thời, ông Duy có nguyện vọng đề nghị Tòa án xem xét việc bà Nguyễn Thị Ngọc U còn nợ ông và bà Hà số tiền 4.000.000.000 đồng mà bà U đã vay của ông và bà H trước đó. Và khi bán tài sản này thanh toán tiền gốc cho nguyên đơn, số tiền còn dư thì ông yêu cầu được nhận vì bà Uyên còn nợ ông và bà H 4.000.000.000đồng.

7. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử. Về giải quyết và xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật

khi tham gia. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về Hợp đồng dân sự được qui định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý bị đơn ông Nguyễn Đắc P tạm trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về thủ tục:* Ông Nguyễn Đắc P với tư cách là bị đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc Uyên, bà Lưu Thị Thu H, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến tham gia phiên Tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1]. *Xét yêu cầu đòi số tiền đến ngày 21/12/2022 là 45.203.185.764 đồng (trong đó nợ gốc là 15.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 6.578.003.473 đồng, lãi quá hạn: 23.625.182.291 đồng); trong đó theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013, tiền gốc: 00 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.141.666.667 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.410.000.000 đồng, tổng cộng: 6.551.666.667 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013, tiền gốc: 15.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.436.336.806 đồng, lãi quá hạn: 18.215.182.291 đồng, tổng cộng: 38.651.519.097 đồng, Hội đồng xét xử xét:*

Căn cứ hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013: tiền gốc 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), tiền lãi tính đến ngày 21/12/2022 là 1.141.666.667 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.410.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất có diện tích 8.217m² tại Thửa đất số 509; 510; 552 tờ bản đồ số 9- xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 145/EIBSGD1-TDCN/TC/13 ngày 06/5/2013 do ông Nguyễn Đắc Phước và bà Nguyễn Thị Ngọc U ký thế chấp. Hiện nay nguyên đơn chỉ còn khởi kiện yêu cầu tiền gốc: 00 đồng, tiền lãi: 6.551.666.667 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013: tiền gốc 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), tiền lãi tính đến ngày 21/12/2022, tiền lãi trong hạn: 6.578.003.473 đồng, lãi quá hạn: 23.625.182.291 đồng, tổng cộng: 38.651.519.092 đồng.

Căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản số 193/EIBSGD1-TDCN/TC/13 ngày 20/5/2013, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại số 33B Trần Bình Trọng (nay là 33 Trần Bình Trọng), Phường 05, quận B, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 221437 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 04491 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp ngày 13/02/2006 cập nhật ngày 19/10/2006 cho ông Nguyễn Đức Duy.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả; bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...

Căn cứ Điều 4 của 02 hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013 và Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013 quy định về Kỳ hạn trả gốc và lãi thì yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X buộc bị đơn ông Nguyễn Đắc Phước phải trả số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày 21/12/2022 là 15.000.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.2]. *Đối với tiền lãi tính đến ngày Tòa án xét xử (tính đến ngày 21/12/2022 là 23.625.182.291 đồng + 6.578.003.473 đồng = 30.203.185.764 đồng, Hội đồng xét xử xét:*

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “... khi đến hạn trả; bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”

Căn cứ Điều 5 của 02 hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013 và Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013 quy định về lãi suất cho vay.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về lãi suất như sau: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Căn cứ Điều 1, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận thì: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả*”.

Căn cứ Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 quy định về lãi suất cho vay như sau:

1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng.

Căn cứ bảng chi tiết tính lãi ngày 21/12/2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần X thì việc Ngân hàng tính lãi đến ngày xét xử ngày 21/12/2022 là hoàn toàn phù hợp như đã thỏa thuận tại hợp đồng.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013 và Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013 được ký kết giữa các bên, các tài liệu hồ sơ khác thì phía bị đơn ông Nguyễn Đắc P còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền gốc là 15.000.000.000 đồng, do ông Phước vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải thanh toán tiền lãi là 30.203.185.764 đồng (tính đến ngày 21/12/2022) là hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận.

Do vậy, buộc ông Nguyễn Đắc P phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền tính đến ngày 21/12/2022 là 45.203.185.764 đồng (trong đó nợ gốc

là 15.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 6.578.003.473 đồng, lãi quá hạn: 23.625.182.291 đồng); trong đó theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013, tiền gốc: 00 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.141.666.667 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.410.000.000 đồng, tổng cộng: 6.551.666.667 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013, tiền gốc: 15.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.436.336.806 đồng, lãi quá hạn: 18.215.182.291 đồng, tổng cộng: 38.651.519.097 đồng.

và kể từ ngày 22/12/2022 ông P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Đối với Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013 bị đơn đã thanh toán xong nợ gốc 10.000.000.000 đồng vào ngày 24/4/2017, chỉ còn nợ tiền lãi, đã được chột lãi và nguyên đơn cũng có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 10.000.000.000 đồng, chỉ yêu cầu tính số tiền lãi còn thiếu là 6.551.666.667 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần X yêu cầu đến thời hạn thanh toán phía ông Nguyễn Đắc P không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là nhà đất tại số 33B Trần Bình Trọng (nay là 33 Trần Bình Trọng), Phường 05, quận B, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 221437 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 04491 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 13/02/2006 cập nhật ngày 19/10/2006 cho ông Nguyễn Đức D và các tài sản khác thuộc sở hữu của ông Phước theo đúng quy định của pháp luật.

Những quy định, thỏa thuận và quyền yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp.

Căn cứ Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013 quy định về xử lý tài sản thế chấp như sau: *“Bên B đồng ý ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho bên A (Ngân hàng) được toàn quyền thực hiện các biện pháp sau đây để xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bên B (ông P, bà U) không thực hiện đầy đủ vụ trả nợ cho bên A hoặc bên B vi phạm quy định tại hợp đồng này, hợp đồng cấp tín dụng và các văn bản, cam kết khác có liên quan”*.

Căn cứ Khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về quyền của bên nhận thế chấp” như sau:

7. Xử lý tài sản thế chấp khi thuộc trường hợp qui định tại Điều 299 của Bộ luật này.

Căn cứ Khoản 1 Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về xử lý tài sản thế chấp như sau: *“Đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.*

Xét căn nhà này là tài sản bảo đảm cho khoản vay trên, ông Nguyễn Đắc P không thanh toán thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản nhà và đất trên để đảm bảo việc thi hành án là hoàn toàn phù hợp với khoản 7 Điều 323 và Khoản 1 Điều 299 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phát mãi tài sản của Ngân hàng Thương mại cổ phần X khi bị đơn ông Phước đến hạn thực hiện nghĩa vụ nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật là có căn cứ và được chấp nhận.

Nguyên đơn tự nguyện thỏa thuận chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, không yêu cầu bị đơn phải thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện này là phù hợp với quy định của pháp luật không trái pháp luật nên ghi nhận ý kiến của nguyên đơn.

[3.3].*Đối với trình bày của ông Nguyễn Đức D trình bày xin được miễn trả tiền lãi với số tiền lãi như ngân hàng đã nêu tiền lãi là 30.203.185.764 đồng (tính đến ngày 21/12/2022) trong đó theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013, tiền gốc: 00 đồng, tiền lãi: 6.551.666.667 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013, tiền lãi: 23.651.519.097 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, vụ án khởi kiện thụ lý từ tháng 06/2014 đến nay đã hơn 8 năm, nhưng ông Nguyễn Đức P vẫn không thanh toán số tiền gốc và tiền lãi thêm lần nào, đồng thời Ngân hàng Thương mại cổ phần X không đồng ý miễn giảm tiền lãi cho ông P khi chưa thanh toán hết số nợ gốc nên đề nghị này kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần X nên yêu cầu của ông Duy không có căn cứ để chấp nhận.*

Như vậy, bị đơn ông Nguyễn Đức P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền 45.203.185.764 đồng (trong đó nợ gốc là 15.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 6.578.003.473 đồng, lãi quá hạn: 23.625.182.291 đồng); trong đó theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013, tiền gốc: 00 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.141.666.667 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.410.000.000 đồng, tổng cộng: 6.551.666.667 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013, tiền gốc: 15.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.436.336.806 đồng, lãi quá hạn: 18.215.182.291 đồng, tổng cộng: 38.651.519.097 đồng

Căn cứ khoản 3 Phần I Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản như sau : *“Đối với các khoản vay, gửi ở tổ chức ngân hàng, tín dụng...quyết định buộc bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán số tiền thực tế đã vay, gửi cùng với khoản tiền lãi, kể từ khi giao dịch cho đến khi thi hành xong, theo mức lãi suất tương ứng do Ngân hàng nhà nước quy định”*.

Vì vậy, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 22/12/2022 ông Phước còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong 02 hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013 và Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[3.4]. Đối với ý kiến của ông Nguyễn Đức D: ông D có nguyện vọng đề nghị Tòa án xem xét việc bà Nguyễn Thị Ngọc U còn nợ ông và bà H số tiền 4.000.000.000 đồng mà bà U đã vay của ông và bà H trước đó. Và khi bán tài sản này thanh toán tiền gốc cho nguyên đơn, số tiền còn dư thì ông yêu cầu được nhận vì bà U còn nợ ông và bà H 4.000.000.000 đồng.

Do ông D chỉ trình bày nguyện vọng nên Tòa án tách riêng yêu cầu này, nếu sau này ông Nguyễn Đức D có yêu cầu khởi kiện, sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp là căn nhà số 33B Trần Bình Trọng (nay là 33 Trần Bình Trọng), Phường 05, quận B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 221437 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 04491 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp ngày 13/02/2006 cập nhật ngày 19/10/2006 cho ông Nguyễn Đức D theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi nợ; sau khi đã trừ các chi phí thi hành án mà số tiền còn dư lại thì trả lại cho ông Nguyễn Đức D, bà Lưu Thị Thu H.

[4] *Về thời gian trả nợ*: Xét, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán dứt điểm số tiền trên một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng pháp luật nên chấp nhận.

Trường hợp ông Nguyễn Đắc P không thanh toán khoản tiền nêu trên thì phía Ngân hàng Thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là nhà đất tại số 33B Trần Bình Trọng, Phường 05, quận B, Thành phố H theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ. Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán khoản nợ thì ông Phước phải tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X cho đến khi trả hết nợ.

[5] *Về án phí*:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Đắc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 45.203.185.764 đồng là 153.203.185,764 đồng (làm tròn 153.203.186 đồng) theo quy định tại Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền tạm ứng án phí 62.000.000 đồng do Ngân hàng Thương mại cổ phần X nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2011/04524 ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 184; Điều 203; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 299; Điều 323; Điều 4631; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Đắc P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền tạm tính đến ngày 21/12/2022 là: 45.203.185.764 đồng (trong đó nợ gốc là 15.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 6.578.003.473 đồng, lãi quá hạn: 23.625.182.291 đồng); trong đó theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302545 ngày 06/5/2013, tiền gốc: 00 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.141.666.667 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.410.000.000 đồng, tổng cộng: 6.551.666.667 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013, tiền gốc: 15.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.436.336.806 đồng, lãi quá hạn: 18.215.182.291 đồng, tổng cộng: 38.651.519.097 đồng.

2. Về thời hạn thanh toán: Ông Nguyễn Đắc P có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn Đắc P đã trả hết số tiền nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam mà không cần phải xử lý tài sản thế chấp là căn nhà số 33B Trần Bình Trọng (nay là 33 Trần Bình Trọng), Phường 05, quận B, Thành phố H theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X phải làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp theo quy định.

Trường hợp ông Nguyễn Đắc P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp, phát mãi tài sản là căn nhà số 33B Trần Bình Trọng (nay là 33 Trần Bình Trọng), Phường 05, quận B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 221437 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 04491 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 13/02/2006 cập nhật ngày 19/10/2006 cho ông Nguyễn Đức D theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi đã xử lý tài sản thế chấp là căn nhà số 33B Trần Bình Trọng (nay là 33 Trần Bình Trọng), Phường 05, quận B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 221437 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 04491 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 13/02/2006 cập nhật ngày 19/10/2006 cho ông Nguyễn Đức D theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi nợ mà không đủ đảm bảo khoản thanh toán trên thì ông Nguyễn Đắc P phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ đối với khoản tiền còn phải thanh toán.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp là căn nhà số 33B Trần Bình Trọng (nay là 33 Trần Bình Trọng), Phường 05, quận B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 221437 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 04491 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp ngày 13/02/2006 cập nhật ngày 19/10/2006 cho ông Nguyễn Đức D theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi nợ; sau khi đã trừ các chi phí thi hành án mà số tiền còn dư lại thì trả lại cho ông Nguyễn Đức D, bà Lưu Thị Thu H.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303105 ngày 16/5/2013 cho đến khi thanh toán xong.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X đối với bị đơn ông Nguyễn Đắc P về số tiền 10.000.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: 153.203.186 đồng ông Nguyễn Đắc P phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền tạm ứng án phí 62.000.000 đồng do Ngân hàng Thương mại cổ phần X nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2011/04524 ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự
- Lưu VP, hồ sơ...

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng